

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

---

**Tháng 3 năm 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Lê Minh Phương  
Ông Lê Văn Khanh  
Ông Nguyễn Đức Chung  
Ông Đàm Đức Duy  
Ông Hoàng Công Toán  
Ông Vương Quốc Chính

Chủ tịch  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2025)  
Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 6 năm 2025)  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Khanh  
Ông Nguyễn Đức Chung  
Ông Đàm Đức Duy  
Ông Nguyễn Thanh Hà

Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2025)  
Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2025)  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

#### Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Hiền  
Ông Vũ Ngọc Hùng  
Bà Nguyễn Thị Phương

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

#### Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Chung  
Ông Lê Văn Khanh

Giám đốc (đến ngày 01 tháng 4 năm 2025)  
Giám đốc (từ ngày 02 tháng 4 năm 2025)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lê Văn Khanh**  
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 03 năm 2026



Số: 035 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Phô Yên (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 03 tháng 03 năm 2026, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với Báo cáo kiểm toán độc lập số 1902.02-25/BC-TC/VAE ngày 19 tháng 02 năm 2025 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



**Chữ Mạnh Hoan**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

*Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2026*

**Vũ Mạnh Hùng**

**Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1





**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>334.290.139.637</b>	<b>354.290.074.535</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>60.047.958.656</b>	<b>126.877.980.990</b>
1. Tiền	111		60.047.958.656	86.877.980.990
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	40.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>129.845.592.869</b>	<b>131.146.259.265</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	110.768.862.681	127.387.150.484
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	18.336.553.800	3.102.192.406
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		740.176.388	656.916.375
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>137.490.602.248</b>	<b>95.805.682.124</b>
1. Hàng tồn kho	141		144.408.046.182	100.681.516.329
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.917.443.934)	(4.875.834.205)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.905.985.864</b>	<b>460.152.156</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	226.429.746	218.780.180
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.466.576.459	28.392.317
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	212.979.659	212.979.659
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>55.581.103.237</b>	<b>68.340.017.473</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.604.308.252</b>	<b>53.530.222.913</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	37.699.784.999	51.925.423.604
- Nguyên giá	222		496.268.312.439	489.615.842.464
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(458.568.527.440)	(437.690.418.860)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	904.523.253	1.604.799.309
- Nguyên giá	228		2.268.828.182	2.268.828.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.364.304.929)	(664.028.873)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.394.456.947</b>	<b>480.078.904</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.394.456.947	480.078.904
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>149.822.302</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		149.822.302	149.822.302
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(149.822.302)	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.582.338.038</b>	<b>14.179.893.354</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	13.582.338.038	14.179.893.354
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>389.871.242.874</b>	<b>422.630.092.008</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (trình bày lại)
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>271.182.730.054</b>	<b>306.446.816.066</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>264.322.275.599</b>	<b>299.247.573.723</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	98.353.199.962	144.948.579.041
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	2.956.343.850	1.916.084.919
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.517.717.709	5.534.130.506
4. Phải trả người lao động	314		65.786.846.007	71.579.735.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	13.331.576.212	1.579.084.418
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	338.787.888	338.787.888
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.403.606.154	13.912.542.732
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	1.581.519.416	1.414.662.775
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		65.052.678.401	58.023.966.111
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.860.454.455</b>	<b>7.199.242.343</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	6.860.454.455	7.199.242.343
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>118.688.512.820</b>	<b>116.183.275.942</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>118.688.512.820</b>	<b>116.183.275.942</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.000.000.000	37.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		37.000.000.000	37.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.512.124.618	3.512.124.618
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.176.388.202	75.671.151.324
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		78.176.388.202	75.671.151.324
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>389.871.242.874</b>	<b>422.630.092.008</b>



**Lê Văn Khanh**  
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 03 năm 2026

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**  
Kế toán trưởng

**Lê Ngọc Thanh**  
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 02 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.152.889.645.466	1.117.666.841.410
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	912.034.260	555.904.572
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.151.977.611.206	1.117.110.936.838
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	929.724.642.003	910.133.255.449
5. Lợi nhuận/ (Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		222.252.969.203	206.977.681.389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	5.847.154.694	8.583.606.248
7. Chi phí tài chính	22	27	797.303.876	2.406.130.191
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	28	26.515.149.376	24.515.990.108
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	101.515.473.012	93.138.486.670
10. Lợi nhuận/ (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26}	30		99.272.197.633	95.500.680.668
11. Thu nhập khác	31	29	1.623.276.500	1.851.444.481
12. Chi phí khác	32		171.050.713	2.113.629.403
13. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		1.452.225.787	(262.184.922)
14. Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		100.724.423.420	95.238.495.746
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	22.548.035.218	19.567.344.422
16. Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		78.176.388.202	75.671.151.324
17. Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	31	21.128,75	10.000,00



Lê Văn Khanh  
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Hồng Thắm  
Kế toán trưởng

Lê Ngọc Thanh  
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.161.865.882.135	1.100.278.024.665
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(846.359.381.122)	(766.512.817.711)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(220.812.555.869)	(218.075.348.076)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(21.136.727.157)	(20.099.809.599)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	408.166.233	24.447.528.993
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(85.569.528.764)	(59.701.161.419)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(11.604.144.544)</b>	<b>60.336.416.853</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.430.457.099)	(3.330.719.715)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.000.000.000)	(30.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45.000.000.000	60.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.429.355.516	2.788.698.442
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(16.001.101.583)</b>	<b>29.457.978.727</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.179.320.000)	(73.433.800.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(39.179.320.000)</b>	<b>(73.433.800.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(66.784.566.127)</b>	<b>16.360.595.580</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>126.877.980.990</b>	<b>110.178.057.560</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(45.456.207)	339.327.850
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>60.047.958.656</b>	<b>126.877.980.990</b>



**Lê Văn Khanh**  
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 03 năm 2026

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**  
Kế toán trưởng

**Lê Ngọc Thanh**  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Nhà máy Cơ khí Phổ Yên, trực thuộc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 570/CL-CB1 ngày 19 tháng 10 năm 1974 của Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim và được thành lập lại theo Quyết định số 283/QĐ/TCNSDT ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng. Theo Quyết định số 13/2002/QĐ/BCN ngày 25 tháng 3 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) thì Nhà máy Cơ khí Phổ Yên được đổi tên thành Công ty Cơ khí Phổ Yên. Từ ngày 12 tháng 12 năm 2003 Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1703000098 ngày 07 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 37.000.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là FBC.

**Trụ sở Công ty:** Tổ dân phố Bông Hồng, phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

**Tổng số lao động trong Công ty**

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 924 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 989 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng tải);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng);
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (cân đĩa, cân treo);
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác; Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô);
- Tái chế phế liệu (tái chế phế liệu kim loại, phi kim loại - không bao gồm nhập khẩu các loại phế liệu, phế thải gây ô nhiễm môi trường);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty trong năm là: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có đơn vị phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 19 Đường 36, Phường An Lạc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán độc lập khác.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (dưới 3 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian gian sử dụng ước tính của tài sản cố định hàng năm như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính từ 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được ghi nhận vào sổ kế toán.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm:

*Chi phí tiền thuê đất:* Chi phí tiền thuê đất trả tiền một lần được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 370 tháng.

*Chi phí bảo hiểm:* Trả trước chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian trả trước.

*Chi phí sửa chữa tài sản cố định:* Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm. Công ty thực hiện phân bổ kể từ ngày hoàn thành, nghiệm thu, quyết toán công trình sửa chữa, cải tạo và sẵn sàng đưa vào sử dụng, với ước tính tổng thời gian phân bổ là 03 năm (tương ứng 1.095 ngày), giá trị phân bổ được tính theo số ngày phân bổ trong năm.

*Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ:* Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm (đối với chi phí trả trước ngắn hạn) và từ một năm trở lên (đối với chi phí trả trước dài hạn).

**Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải trả (Tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa:**

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê tài sản, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

**Nguồn vốn**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Cô Loa	Cùng Công ty mẹ
Công ty HONDA Việt Nam	Công ty liên doanh với Công ty mẹ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	Lãnh đạo chủ chốt

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Tiền mặt	173.564.500	507.120.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.874.394.156	86.370.860.990
Các khoản tương đương tiền	-	40.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.047.958.656</b>	<b>126.877.980.990</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng không là bên liên quan</b>	<b>79.293.034.675</b>	<b>90.954.979.399</b>
Hanwa Co., Ltd Japan	2.706.091.242	9.165.625.513
Công ty TNHH Brothers Techno	1.701.320.556	17.192.413.922
Các đối tượng khác	74.885.622.877	64.596.939.964
<b>b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan</b>	<b>31.475.828.006</b>	<b>36.432.171.085</b>
Công ty Honda Việt Nam	31.475.828.006	36.432.171.085
<b>Cộng</b>	<b>110.768.862.681</b>	<b>127.387.150.484</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Eastern Fortune International Co., Limited	6.176.264.187	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Á Châu	4.253.472.000	-
Các đối tượng khác	7.906.817.613	3.102.192.406
<b>Cộng</b>	<b>18.336.553.800</b>	<b>3.102.192.406</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng (i)	Giá gốc	Dự phòng (i)
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	35.098.518	-	22.750.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	74.732.164.446	(4.178.197.174)	48.205.702.131	(2.846.321.942)
Công cụ, dụng cụ	585.515.033	-	456.374.886	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.826.730.272	-	20.749.394.577	-
Thành phẩm	30.478.597.199	(2.739.246.760)	23.638.871.752	(2.029.512.263)
Hàng gửi đi bán	12.749.940.714	-	7.608.422.983	-
<b>Cộng</b>	<b>144.408.046.182</b>	<b>(6.917.443.934)</b>	<b>100.681.516.329</b>	<b>(4.875.834.205)</b>

Ghi chú:

- (i) Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.041.609.729 VND (năm 2024 trích lập 2.605.616.473 VND, hoàn nhập 29.128.574 VND). Ban Giám đốc đánh giá rằng giá trị của các mặt hàng tồn kho này là không thể thu hồi và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho bổ sung trong năm.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>226.429.746</b>	<b>218.780.180</b>
Chi phí bảo hiểm	-	214.092.497
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	226.429.746	4.687.683
<b>Dài hạn</b>	<b>13.582.338.038</b>	<b>14.179.893.354</b>
Tiền thuê đất	7.304.217.603	7.649.298.747
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.021.559.236	6.468.759.078
Chi phí phần mềm	-	44.155.208
Phí bảo lãnh hợp đồng điện	7.249.607	9.762.983
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.249.311.592	7.917.338
<b>Cộng</b>	<b>13.808.767.784</b>	<b>14.398.673.534</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	82.150.144.507	380.229.641.025	24.104.025.466	1.988.552.666	1.143.478.800		489.615.842.464
Xây dựng cơ bản dở dang	893.469.612	515.892.238	-	-	-		1.409.361.850
Tăng do mua sắm	-	3.051.851.852	2.191.256.273	-	-		5.243.108.125
Số dư cuối năm	83.043.614.119	383.797.385.115	26.295.281.739	1.988.552.666	1.143.478.800		496.268.312.439
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	59.533.941.047	352.763.752.614	22.478.692.165	1.770.554.234	1.143.478.800		437.690.418.860
Khấu hao trong năm	3.571.012.868	15.733.593.292	1.366.633.640	206.868.780	-		20.878.108.580
Số dư cuối năm	63.104.953.915	368.497.345.906	23.845.325.805	1.977.423.014	1.143.478.800		458.568.527.440
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	22.616.203.460	27.465.888.411	1.625.333.301	217.998.432	-		51.925.423.604
Số dư cuối năm	19.938.660.204	15.300.039.209	2.449.955.934	11.129.652	-		37.699.784.999

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 391.746.051.875 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 381.348.250.558 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Chương trình phần mềm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	2.268.828.182	2.268.828.182
Tăng do mua sắm	-	-
Số dư cuối năm	2.268.828.182	2.268.828.182
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>		
Số dư đầu năm	664.028.873	664.028.873
Khấu hao trong năm	700.276.056	700.276.056
Số dư cuối năm	1.364.304.929	1.364.304.929
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	1.604.799.309	1.604.799.309
Số dư cuối năm	904.523.253	904.523.253

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 168.000.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 168.000.000 VND)

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	443.041.867	480.078.904
Mái che khung thép lợp tôn đường đi bộ	100.109.602	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	249.582.384	-
Mua sắm tài sản cố định	2.601.723.094	-
<b>Cộng</b>	<b>3.394.456.947</b>	<b>480.078.904</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	149.822.302	(i)	149.822.302	(i)
Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa	149.822.302	(i)	149.822.302	(i)
Cộng	149.822.302	(i)	149.822.302	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa. Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị của khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn không là bên liên quan</b>	<b>97.648.272.571</b>	<b>97.648.272.571</b>	<b>141.866.787.119</b>	<b>141.866.787.119</b>
Công ty Cổ phần Thương mại, Tư vấn và Xây dựng Đức Minh	9.723.876.051	9.723.876.051	9.049.838.483	9.049.838.483
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lập Phương	7.101.058.001	7.101.058.001	5.877.143.800	5.877.143.800
Công ty Cổ phần FORGING	5.097.265.811	5.097.265.811	9.890.509.773	9.890.509.773
Công ty TNHH Ống thép đặc biệt ASMC Việt Nam	3.597.842.101	3.597.842.101	2.249.955.052	2.249.955.052
Các đối tượng khác	72.128.230.607	72.128.230.607	114.799.340.011	114.799.340.011
<b>b) Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>704.927.391</b>	<b>704.927.391</b>	<b>3.081.791.922</b>	<b>3.081.791.922</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	373.620.500	373.620.500	2.588.000.822	2.588.000.822
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	331.306.891	331.306.891	493.791.100	493.791.100
<b>Cộng</b>	<b>98.353.199.962</b>	<b>98.353.199.962</b>	<b>144.948.579.041</b>	<b>144.948.579.041</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
VINA-TECH CO., LTD	1.935.531.980	-
Dragon Right Co., Ltd	221.578.508	1.570.787.567
Các đối tượng khác	799.233.362	345.297.352
<b>Cộng</b>	<b>2.956.343.850</b>	<b>1.916.084.919</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	7.497.569.445	7.497.569.445	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.206.340.226	1.206.340.226	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.483.178.820	22.548.035.218	21.136.727.157	4.894.486.881
Thuế thu nhập cá nhân	2.047.795.118	10.442.949.899	11.867.514.189	623.230.828
Thuế tài nguyên	-	3.847.040	3.847.040	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	483.627.071	483.627.071	-
Các loại thuế khác	3.156.568	17.016.584	20.173.152	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	263.199.748	263.199.748	-
<b>Cộng</b>	<b>5.534.130.506</b>	<b>42.462.585.231</b>	<b>42.478.998.028</b>	<b>5.517.717.709</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	212.979.659	-	-	212.979.659
<b>Cộng</b>	<b>212.979.659</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>212.979.659</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Tiền trang phục chi bằng tiền cho người lao động	11.851.000.000	-
Chi phí suất ăn công nghiệp	669.988.000	574.079.000
Chi phí công tác	283.214.495	36.700.000
Chi phí xuất/nhập khẩu	240.976.884	237.026.918
Chi phí phải trả khác	286.396.833	731.278.500
<b>Cộng</b>	<b>13.331.576.212</b>	<b>1.579.084.418</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	2.043.252.944
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	110.400.160	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác:	11.293.205.994	11.869.289.788
- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ tài sản còn lại trên đất	3.176.283.547	3.176.283.547
- Công ty Nichipure	2.457.372.273	2.457.372.273
- Thuế thu nhập cá nhân	3.238.085.811	423.986.512
- Cổ tức phải trả	767.600.000	1.133.920.000
- Quỹ xã hội	753.690.894	791.241.954
- Đoàn phí công đoàn	58.161.000	2.420.897.940
- Tiền ăn ca	30.795.000	24.011.000
- Các đối tượng khác	811.217.469	1.441.576.562
<b>Cộng</b>	<b>11.403.606.154</b>	<b>13.912.542.732</b>

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	1.581.519.416	1.414.662.775
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.581.519.416</b>	<b>1.414.662.775</b>

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	(trình bày lại) VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>338.787.888</b>	<b>338.787.888</b>
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	338.787.888	338.787.888
<b>Dài hạn</b>	<b>6.860.454.455</b>	<b>7.199.242.343</b>
Doanh thu cho thuê lại đất nhận trước	6.860.454.455	7.199.242.343
<b>Cộng</b>	<b>7.199.242.343</b>	<b>7.538.030.231</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>LNST chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>3.512.124.618</b>	<b>109.680.917.172</b>	<b>150.193.041.790</b>
Lãi trong năm	-	-	75.671.151.324	75.671.151.324
Chia cổ tức	-	-	(74.000.000.000)	(74.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	(35.680.917.172)	(35.680.917.172)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>3.512.124.618</b>	<b>75.671.151.324</b>	<b>116.183.275.942</b>
Lãi trong năm	-	-	78.176.388.202	78.176.388.202
Chia cổ tức (i)	-	-	(37.000.000.000)	(37.000.000.000)
Trích lập các quỹ (i)	-	-	(38.671.151.324)	(38.671.151.324)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>37.000.000.000</b>	<b>3.512.124.618</b>	<b>78.176.388.202</b>	<b>118.688.512.820</b>

**Ghi chú:**

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 tại Tờ trình số 02/TTr-HĐQT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Quản trị như sau: Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi là 37.625.740.324 VND; Trích Quỹ thưởng Người quản lý, điều hành là 1.045.411.000 VND; Chia cổ tức là 37.000.000.000 VND.

Trong năm, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ theo phương án đã phê duyệt và đã chi trả cổ tức bằng tiền là 36.678.900.000 VND.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên cấp, vốn điều lệ của Công ty là 37.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Tổng Công ty ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	18.870.000.000	18.870.000.000
Các đối tượng khác	18.130.000.000	18.130.000.000
	<b>37.000.000.000</b>	<b>37.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	3.700.000	3.700.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	3.700.000	3.700.000

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Euro (AUD)	678,26	676,23
Đô la Mỹ (USD)	2.076.346,68	504.566,35
Yên Nhật (JPY)	191,00	191,00



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****Nợ phải thu khó đòi đã xử lý**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Trung tâm thiết kế chế tạo và chuyển giao công nghệ	93.258.500	93.258.500
Công ty CP Phát triển công nghệ Việt Mỹ	11.000.541	11.000.541
Công ty TNHH Anh Thu	45.250.280	45.250.280
Trương Công Hùng - DNTN Xuân Hoàng Hà	87.000.014	87.000.014
Công ty TNHH Thực nghiệp Kim Quốc Lâm Việt Nam	2.772.000	2.772.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại quốc tế ICT	19.821.968	19.821.968
Viện nghiên cứu cơ khí	143.053.902	143.053.902
Công ty TNHH Vận tải Bình Minh	23.075.055	23.075.055
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Thành	10.000.000	10.000.000
Công ty CP Sản xuất và Xuất nhập khẩu phụ tùng 1	531.207.159	531.207.159
Lê Minh Khoa	135.322.140	135.322.140
Phạm Trường Thành	4.447.310.534	4.447.310.534
Công ty TNHH XNK Wuxi Jinshui	71.926.700	71.926.700
Công ty CP Cơ khí đúc và Thương mại Hưng Thành	40.000.000	40.000.000
Jiangyin Xing Cheng Special Steel Works Co., Ltd	1.451.484	1.451.484
Doanh nghiệp tư nhân Thiên Phát 99	693.660	693.660
Phải thu khác - Bảo hiểm thân thể	850.000	850.000
	<b>5.663.993.937</b>	<b>5.663.993.937</b>

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	90.617.710.180	120.323.095.315
Doanh thu bán thành phẩm	1.043.161.490.155	987.909.517.336
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.404.401.202	6.096.326.141
Doanh thu khác	14.706.043.929	3.337.902.618
<b>Cộng</b>	<b>1.152.889.645.466</b>	<b>1.117.666.841.410</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>912.034.260</b>	<b>555.904.572</b>
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	725.465.605	548.271.618
- Hàng bán bị trả lại	186.568.655	7.632.954
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.151.977.611.206</b>	<b>1.117.110.936.838</b>

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	79.612.269.028	101.361.507.793
Giá vốn bán thành phẩm	846.241.653.524	802.148.737.238
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.829.109.722	4.046.522.519
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.041.609.729	2.605.616.473
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(29.128.574)
<b>Cộng</b>	<b>929.724.642.003</b>	<b>910.133.255.449</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	549.977.266.938	534.070.184.856
Chi phí nhân viên	245.358.456.154	236.909.252.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.986.766.288	27.618.305.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.805.464.182	98.462.209.231
Chi phí bằng tiền khác	48.808.809.843	43.095.632.145
<b>Cộng</b>	<b>972.936.763.405</b>	<b>940.155.583.726</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.375.108.941	2.249.722.795
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	4.382.393.892	5.686.722.080
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.095.640	537.375.151
Chiết khấu thanh toán	76.556.221	109.786.222
<b>Cộng</b>	<b>5.847.154.694</b>	<b>8.583.606.248</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	647.481.574	2.406.130.191
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	149.822.302	-
<b>Cộng</b>	<b>797.303.876</b>	<b>2.406.130.191</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	11.609.803.579	10.693.167.550
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.683.358.168	2.072.362.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	476.311.800	554.588.528
Chi phí bảo hành sản phẩm	166.856.641	544.777.910
Chi phí bán hàng khác	12.578.819.188	10.651.093.289
<b>Cộng</b>	<b>26.515.149.376</b>	<b>24.515.990.108</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	56.792.798.500	56.538.571.537
Chi phí vật liệu quản lý	3.033.801.271	1.192.749.563
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.525.028.827	1.502.694.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.440.079.585	5.694.169.313
Thuế, phí và lệ phí	610.010.135	1.263.585.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.616.642.675	1.745.322.379
Chi phí bằng tiền khác	31.497.112.019	25.201.393.528
<b>Cộng</b>	<b>101.515.473.012</b>	<b>93.138.486.670</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bồi hoàn hàng lỗi, phế phẩm do nhà cung cấp	1.186.657.378	1.019.231.917
Thu nhập khác	436.619.122	832.212.564
<b>Cộng</b>	<b>1.623.276.500</b>	<b>1.851.444.481</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>100.724.423.420</b>	<b>95.238.495.746</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	9.621.208.952	2.421.866.362
Cộng:	9.635.636.250	3.019.249.043
- Chi phí không được trừ	8.472.399.573	2.837.703.446
- Các khoản điều chỉnh khác	565.853.996	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	597.382.681	181.545.597
Trừ:	14.427.298	597.382.681
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	14.427.298	597.382.681
Thu nhập chịu thuế	110.345.632.372	97.660.362.108
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	478.908.744	35.272.000
vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay		
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>22.548.035.218</b>	<b>19.567.344.422</b>

Ngoài các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được trừ nêu trên, Công ty đang xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể với cơ sở tính thuế (ngoài giá trị điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế như trên). Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế	78.176.388.202	75.671.151.324
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(38.671.151.324)
Lợi nhuận/ (Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	78.176.388.202	37.000.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	3.700.000	3.700.000
Lãi/ (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	21.128,75	10.000,00
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025. Công ty trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Người quản lý, điều hành năm 2024 với số tiền là 38.671.151.324 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được trình bày lại, số trước trình bày lại là 10.411 VND/cổ phiếu.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Tổ dân phố Bông Hồng, Phường Phổ Yên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán năm trước được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo tại 31/12/2024	Trình bày lại	Số sau trình bày lại	Ghi chú
	VND	VND	VND	
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	338.787.888	338.787.888	(i)
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	7.538.030.231	(338.787.888)	7.199.242.343	(i)

Ghi chú:


- (i) Khoản tiền cho thuê lại đất nhận trước cho nhiều kỳ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày vào chỉ tiêu doanh thu chưa thực hiện dài hạn, số tiền là 7.538.030.231 VND, bao gồm 338.787.888 VND là số tiền đến kỳ ghi nhận doanh thu trong năm 2025. Vì vậy, khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn được trình bày lại với số tiền là 7.199.242.343 VND, tương ứng khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn được trình bày lại với số tiền là 338.787.888 VND.



**Lê Văn Khanh**  
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 03 năm 2026

  
**Nguyễn Thị Hồng Thắm**  
Kế toán trưởng

  
**Lê Ngọc Thanh**  
Người lập biểu